

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày 29 - 8 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Đông, ông Nguyễn Văn Đung và ông Phạm Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh năm 1993 tại Hà Nam; nơi thường trú: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị M; vợ: Chưa có; tại phiên tòa bị cáo khai đang chung sống với chị Nguyễn Thị Thủy T (Chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con chung: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 12 năm 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Đinh Tiến H1 và ông Đặng Ngọc T2 đều là Luật sư của Công ty L1 - Chi nhánh tại Hà Nam, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- **Bị hại:**

+ Anh Lê Trọng K, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nghiêm Trí T3, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang bị truy nã, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; nơi thường trú: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Minh H2, anh Nguyễn Văn M1, anh Quảng Văn H3, đều có mặt; anh Nguyễn Mạnh Q, anh Phạm Văn T4, anh Vũ Quốc P, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2020, anh Nguyễn Minh H2 đến thuê nhà trọ tại thôn Q, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn thị xã D. Tháng 10 năm 2023, anh Nguyễn Văn M1 đến xã C, thị xã D thuê phòng trọ và cũng làm dịch vụ như anh Nguyễn Minh H2. Lấy lý do cần tiền để làm quỹ thăm nuôi các đối tượng đang phải chấp hành án tại các Trại tạm giam; Nghiêm Trí T3 cùng với Lê Trọng K đã gây khó khăn để buộc anh H2, anh M1 cùng một số người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và khu vực lân cận hàng tháng phải đóng số tiền 1.000.000 đồng/1 nhân viên cho nhóm của T3, K thì mới được làm dịch vụ cung cấp nhân viên trên địa bàn (Tiền bảo kê) nhưng anh H2, anh M1 không đồng ý nộp tiền theo yêu cầu mà T3, K đưa ra.

Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023, T3, K và một số đối tượng (Không xác định được nhân thân, lai lịch) đi đến khu nhà trọ của anh H2 để nói chuyện về việc nộp tiền bảo kê. Khi gặp anh H2, K nói *“Anh H2 ơi, từ bây giờ không phải nói chuyện nữa, bọn em không cho anh làm ở đây đâu”*; K nói tiếp *“Để gọi cả thằng M1 ra đây đéo cho làm luôn”*. Sau đó, K gọi điện thoại cho anh M1 nói *“Anh sang bên nhà anh H2 anh em mình nói chuyện”*. Lúc này anh Nguyễn Văn M1 đang ở nhà trọ của mình cùng với Phạm Văn Đ và anh Quảng Văn H3 (Cả hai là bạn của M1 đến nhà trọ của M1 chơi). Khi nghe K gọi điện bảo đến nhà trọ của anh H2 để nói chuyện, anh M1 đã rủ Phạm Văn Đ và anh Quảng Văn H3 đi cùng; anh H3 lấy xe mô tô chở anh M1 và Đ đi đến nhà trọ của anh H2, khi đi Đ cất giấu vào trong người một khẩu súng, dạng súng tự chế, bên trong khẩu súng đã được lắp sẵn 06 viên đạn do Đ mang đến phòng trọ anh M1 trước đó. Khi đến phòng trọ của anh H2; Đ vừa xuống xe thì bị Nghiêm Trí T3 lao đến đâm vào mặt, ngực và ghì cổ Đ xuống, Lê Trọng K lao đến đâm vào mặt anh M1. Do bị đánh nên anh M1 bỏ chạy, Phạm Văn Đ chạy vào phía bên trong nhà trọ của anh H2 thì bị T3, K và một số thanh niên (Không xác định được nhân thân, lai lịch) đuổi theo. Khi Đ chạy qua cổng sắt của nhà trọ được khoảng 2m đến 3m (Lối đi xuống bếp), Đ dừng lại lấy khẩu súng từ trong người ra, xoay người lại cầm súng ở tay phải dơ lên chĩa thẳng súng về phía nhóm của T3, K đang đuổi theo sau, khi còn cách khoảng hơn 1m, Đ bắn liên tục 02 phát súng; trong đó 01 viên đạn trúng vào vùng trán phía bên trái của Nghiêm Trí T3 và 01 viên đạn trúng vào cánh tay phải của Lê Trọng K. Bị bắn T3, K và nhóm thanh

niên chạy ra ngoài đường và anh H2 đóng cổng sát lại, K và T3 cùng một số thanh niên (Không xác định được nhân thân, lai lịch) tiếp tục sử dụng gạch, gây ném về phía cổng sắt nhà trọ anh H2 nhưng không gây thương tích cho ai và sự việc kết thúc. T3, K được đưa đến Bệnh viện Đ1, tỉnh Hưng Yên để điều trị vết thương và ngày 07/12/2023, T3 được chuyển lên Bệnh viện V điều trị, đến ngày 10/12/2023 ra viện; K điều trị đến ngày 09/12/2023 ra viện. Sau khi điều trị ra viện, Nghiêm Trí T3 đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường vụ án là khu vực ngã tư giao nhau giữa đường ĐH02 với đường mòn thuộc thôn Q, xã C, thị xã D và khu vực trước cửa nhà trọ của anh Nguyễn Minh H2.

Đường ĐH02 rộng 7m chạy hướng Đông - Tây; phía Đông là hướng đi ra UBND xã Chuyên Ngoại, thị xã D; phía Tây là hướng đi về phường H, thị xã D. Hai bên mép đường ĐH02 là vỉa hè rộng 3,5m. Đường mòn chạy hướng Đông Bắc - T; phía Đông Bắc là hướng đi ra QL38 cũ, hướng Tây Nam là hướng đi ra QL38B. Nhà trọ của anh Nguyễn Minh H2 thuộc nhà cấp 4 quay hướng Nam; phía Bắc tiếp giáp bãi đất trống và QL38 cũ; phía Nam tiếp giáp với vỉa hè và đường ĐH02; phía Đông tiếp giáp bãi đất trống và đường mòn; phía Tây tiếp giáp với cửa hàng S và khu dân cư.

Trên vỉa hè tại vị trí cửa ra vào nhà trọ của anh H2, cách tường phía Đông nhà trọ 3,5m phát hiện rải rác các mảnh gạch vụn, loại gạch đỏ, viên to nhất có kích thước (0,095 x 0,09 x 0,055)m; viên nhỏ nhất có kích thước (0,075x0,075x0,05)m.

Tại nền hiên trong nhà trọ anh H2 phát hiện một viên gạch, loại gạch đỏ có kích thước (0,1x0,095x0,065)m và cách tường phía Đông nhà trọ 3m, cách cửa ra vào phía Nam 1,5m. Tại nền nhà khu vực lối đi trong nhà trọ, tại vị trí cách mép tường phía Tây 1,7m, cách cửa ra vào phía Nam 5m phát hiện 02 chiếc gậy kim loại (Loại gậy bóng chày). Trong đó, có một chiếc sơn màu đen dài 0,75m, đường kính thân gậy 0,05m và một chiếc gậy sơn màu trắng có phần tay cầm được dán băng dính đen, gậy có chiều dài 0,81m, đường kính thân gậy 0,03m.

Quá trình khám nghiệm đã thu giữ 03 viên gạch vỡ, loại gạch đỏ, lần lượt có kích thước (0,095 x 0,09 x 0,055)m; (0,075x0,075x0,05)m, (0,1x0,095x0,065)m; 02 gậy kim loại, loại gậy bóng chày. Phạm Văn Đ giao nộp: 01 khẩu súng ngắn, loại súng ổ xoay màu đen, trên nòng súng có dòng chữ “SMITH&WESSON”; mặt đầu tay cầm bên trái có chữ số “ZP-5”; 04 viên đạn kim loại KT (2,4x0,6)cm; 02 vỏ đạn kim loại KT (1,5x0,6)cm được niêm phong trong hộp cattong (Ký hiệu M1).

Ngày 07/12/2023, Cơ quan điều tra Công an thị xã D đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn Đ về hành vi “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 của

Bộ luật Hình sự. Quá trình bắt giữ Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án.

Chị Nguyễn Nhật L (Vợ Lê Trọng K) giao nộp 01 mảnh kim loại màu ghi, kích thước (1,5x1)cm, được niêm phong trong phong bì (Ký hiệu M2).

Bệnh viện V bàn giao 04 mảnh kim loại không rõ hình, mảnh to nhất có kích thước (9,3x7x9)mm, mảnh nhỏ nhất có kích thước (3x3x1)mm.

Anh Nguyễn Minh H2 giao nộp 01 thẻ nhớ nhãn hiệu MIXIE, loại MicrSD dung lượng 32GB, được niêm phong trong phong bì theo quy định pháp luật; 01 chiếc camera Wifi màu trắng, đen nhãn hiệu YooSee bên trong có 01 thẻ nhớ màu đen nhãn hiệu MIXIE, dung lượng 32 GB, trên bề mặt thẻ nhớ có in dãy chữ số “SMQ0222”; 01 chiếc camera Wifi màu trắng, đen nhãn hiệu YooSee bên trong có 01 thẻ nhớ màu đen, nhãn hiệu MIXIE, dung lượng 32 GB, trên bề mặt thẻ nhớ có in dãy chữ số “SMQ421”. Thẻ nhớ có chữ số “SMQ0222” và thẻ nhớ có chữ số “SMQ421” được niêm phong (Ký hiệu TN2).

Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 451/KLTTCT-TTPY, ngày 15/12/2023 của Trung Tâm pháp y tỉnh H đối với thương tích của Lê Trọng K đã kết luận: “Các kết quả chính: Rách da nhỏ cánh tay phải, đã khâu 01%; căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Trọng K tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm). Tổn thương khác và di chứng, khi điều trị ổn định ra viện đề nghị quý cơ quan chức năng cung cấp đủ hồ sơ bệnh án điều trị và trung cầu giám định bổ sung”.

Bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể số 141/KLTTCT-TTGDYK&PY, ngày 31/5/2024 của Trung tâm Giám định y khoa và Pháp y tỉnh H đối với thương tích của Lê Trọng K đã kết luận: “Các kết quả chính: “Sẹo trung bình cánh tay phải, không ảnh hưởng chức năng; nhiều hơn 5 dị vật phần mềm (Dưới sẹo) cánh tay phải, không có di chứng. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Trọng K tại thời điểm giám định là 10% (Mười phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Qua nghiên cứu hồ sơ tài liệu và khám giám định, nhận định: Thương tích do hoá khí gây nên”.

Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 452/KLTTCT-TTPY, ngày 15/12/2023 của Trung Tâm pháp y tỉnh H đối với thương tích của Nghiêm Trí T3 đã kết luận: “Các kết quả chính: Rách da nhỏ vùng trán lệch trái (Vùng mặt): 03%; căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nghiêm Trí T3 tại thời điểm giám định là 3% (Ba phần trăm). Tổn thương khác và di chứng, khi điều trị ổn định ra viện đề nghị quý cơ quan chức năng cung cấp đủ hồ sơ bệnh án điều trị và trung cầu giám định bổ sung. Qua nghiên cứu

hồ sơ tài liệu và khám giám định, nhận định: Rách da do vật tày thiết diện nhỏ gây nên”.

Ngày 04/6/2024, Trung tâm Giám định y khoa và Pháp y tỉnh H có Công văn trả lời số 115/TTGDYK&PY-KGDYK&PY từ chối việc giám định bổ sung qua hồ sơ đối với Nghiêm Trí T3, do T3 đang bỏ trốn.

Bản Kết luận giám định số 9087/KL-KTHS, ngày 18/12/2023 của V1, Bộ C đã kết luận: “Khẩu súng thu được là súng tự chế, bắn được đạn 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng; 04 viên đạn, 02 vỏ đạn và 01 mảnh kim loại đã thu giữ là đạn thuộc vũ khí thể thao, có kích thước 5,6x15,5mm; 02 vỏ đạn do khẩu súng gửi giám định bắn ra”.

Bản Kết luận giám định số 9525/KL-KTHS, ngày 29/12/2023 của V1 Bộ C, kết luận: 04 mẫu kim loại gửi giám định không đủ cơ sở để xác định loại đạn và khẩu súng bắn ra (Bút lục số 158).

Bản Kết luận giám định số 544/KL-KTHS, ngày 02/02/2024 V1, Bộ C kết luận: Khi sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn đạn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương.

Tại Công văn trả lời số 716/C09-P3, ngày 14/3/2024 của V1, Bộ C xác định: 04 viên đạn gửi giám định có sử dụng lắp, bắn được cho khẩu súng gửi giám định. Khi sử dụng khẩu súng và đạn nêu trên bắn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương.

Ngày 05/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Viện Khoa học hình sự, Bộ C khôi phục lại toàn bộ dữ liệu trong chiếc thẻ nhớ lắp tại cửa hàng S. Tại Kết luận giám định số 1633/KL-KTHS, ngày 17/5/2024 của V1, Bộ C, kết luận: Đã phục hồi 22 tệp video, 22 tệp ảnh trong Thẻ nhớ, không xác định được Thẻ nhớ trên có bị cắt ghép xóa dữ liệu không và không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong nội dung các tệp phục hồi được; Thẻ nhớ đã thu giữ có cùng nhãn hiệu MIXIE. Nội dung tích xuất được sao lưu vào 01 đĩa CD - R chứa dữ liệu phục hồi được.

Ngày 18/01/2024, Cơ quan điều tra phối hợp với Phòng nghiệp vụ và Ngoại tuyến Công an tỉnh H thực hiện khai thác dữ liệu chiếc Thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì do anh H2 giao nộp; sau khi khai thác Phòng nghiệp vụ và Ngoại tuyến đã bàn giao cho Cơ quan điều tra được niêm phong (Ký hiệu TN). Toàn bộ dữ liệu được trích xuất ra 01 chiếc USB ký hiệu Lexar Jumpdrive S80; kết quả khai thác dữ liệu không phát hiện thấy có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Tại Bản Kết luận giám định số 1633/KL-KTHS ngày 17/5/2024 của V1, Bộ C, kết luận: Đã phục hồi 22 tệp video, 22 tệp ảnh trong Thẻ nhớ, không xác định được Thẻ nhớ trên có bị cắt ghép xóa dữ liệu không; không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong nội dung các tệp phục hồi được; Thẻ nhớ đã thu giữ có cùng nhãn hiệu MIXIE. Khai thác dữ liệu giám định lưu giữ trong đĩa

CD-R chứa dữ liệu phục phục hồi không phát hiện thấy có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Trọng K không yêu cầu Phạm Văn Đ phải bồi thường thương tích, chi phí điều trị do bị Đ dùng súng bắn anh K. Đối với Nghiêm Trí T3 hiện đang bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiến hành làm việc được với T3 nên chưa có căn cứ để xác định bồi thường. Ngày 25/6/2024, bà Nguyễn Thị M tự nguyện nộp 10.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam để khắc phục vụ một phần hậu quả cho bị hại.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Văn Đ về tội “Giết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn Đ phạm tội “Giết người” và “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 57; Điều 54 và khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt Phạm Văn Đ từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại Lê Trọng K không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét. Đối với bị hại Nghiêm Trí T3 hiện đang bỏ trốn nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu của bị hại T3. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy số gạch vỡ, các gậy kim loại và các mảnh kim loại; đối với khẩu súng giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh H tiêu hủy cùng với 02 vỏ đạn. Đối với số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại; tuy nhiên, bị hại không yêu cầu nên đề nghị tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự sau này.

Quan điểm của Luật sư Đặng Ngọc T2 bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ xác định: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; đối với tội “Giết người”, hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ, với lý do: Bị hại đánh bị cáo trước và bị cáo đã bỏ chạy nhưng bị hại vẫn đuổi theo nên bị cáo phải chống trả lại là bình thường, không phải là vô cớ; mục đích của bị cáo dùng súng bắn về hướng các bị hại chứ không phải bắn vào vùng trọng yếu của bị hại, cụ thể bị hại Lê Trọng K chỉ bị bắn vào cánh tay phải nên không thể khẳng định bị hại không chết là ngoài ý muốn của bị cáo như Cáo trạng; bản thân bị cáo không có ý thức chủ quan giết các bị hại. Vì vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh của bị

cáo. Về tình tiết giảm nhẹ nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; tuy nhiên, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác như: “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra và phạm tội gây thiệt hại không lớn”, được quy định tại điểm h, e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn Đ nhất trí quan điểm của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có ý kiến số tiền 10.000.000 đồng bà nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam là tự nguyện dưới góc độ trách nhiệm của cha mẹ với con cái trong gia đình nên không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả và đề nghị Hội đồng xét xử giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Quan điểm tranh luận của đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với quan điểm của Luật sư, với lý do: Trước khi đi Đ chủ động mang theo khẩu súng thuộc vũ khí quân dụng; khi bị đánh, bị cáo đã bỏ chạy được khoảng 02 đến 03m, sau đó quay lại sử dụng súng bắn T3 và K nên hành vi sử dụng súng trái phép của bị cáo mang tính chất côn đồ. Việc Đ sử dụng súng bắn T3 và K ở cự ly gần thể hiện ý thức mong muốn tước đoạt tính mạng người khác của Đ. Hậu quả bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo; Bản Kết luận giám định đã khẳng định “Khi sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn đạn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương”. Vì vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp giết nhiều người quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như quan điểm của Luật sư. Đối với tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra và phạm tội gây thiệt hại không lớn” mà Luật sư đề nghị là không đúng vì: Hành vi phạm tội của bị cáo là côn đồ nên không thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; về tình tiết gây thiệt hại không lớn chỉ áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu, không áp dụng đối với tội về nhân thân. Do đó, không có căn cứ chấp nhận.

Các Luật sư và đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm và không tranh luận bổ sung; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận với hành vi đã gây ra và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại anh Nghiêm Trí T3 vắng mặt do đang bị truy nã và đã được niêm yết theo quy định; bị hại Lê Trọng K có đơn xin xét

xử vắng mặt; những người làm chứng (Anh Q, anh T4 và anh P) đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có lời khai trong hồ sơ vụ án. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều đề nghị tiếp tục xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng và các Luật sư bào chữa cho bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh, tính chất mức độ phạm tội

[3.1] Về tội danh, quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận các tình tiết trong Cáo trạng đúng với nội dung vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023, Lê Trọng K gọi điện bảo anh Nguyễn Văn M1 đến phòng trọ của anh Nguyễn Minh H2 ở thôn Q, xã C, thị xã D để nói chuyện về việc nộp tiền bảo kê. Anh M1 rủ Phạm Văn Đ đi cùng, khi đi Đ mang theo và cất giấu trong người 01 khẩu súng ngắn, loại súng tự chế thuộc vũ khí quân dụng bên trong súng có 06 viên đạn. Khi đến phòng trọ của anh H2, Đ bị T3 đâm vào mặt, ngực nên Đ bỏ chạy vào phía bên trong nhà trọ, nhóm của T3 tiếp tục đuổi theo; dẫn đến, Đ lấy súng từ trong người hướng thẳng về phía T3, K và một số đối tượng (Không xác định được nhân thân, lai lịch) đang đuổi theo Đ và bắn liên tiếp hai phát súng, trong đó 01 phát trúng vào vùng trán phía bên trái của Nghiêm Trí T3 và 01 phát trúng vào cánh tay phải của Lê Trọng K. Hậu quả, Lê Trọng K bị tổn thương cơ thể 10% sức khỏe; Nghiêm Trí T3 bị rách da nhỏ vùng trán lệch trái (Vùng mặt), tổn thương cơ thể là 03% sức khỏe và đang bỏ trốn khỏi địa phương. Việc Luật sư bào chữa cho rằng bị hại có lỗi trước nên bị cáo mới dùng súng bắn các bị hại và bị cáo không có ý thức chủ quan giết các bị hại; vì vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 126 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của Luật sư không có căn cứ, bởi lẽ: Phạm Văn Đ chủ động mang theo người khẩu súng thuộc vũ khí quân dụng và khi bị đánh, bị cáo đã bỏ chạy được khoảng 02 đến 03m, sau đó quay lại sử dụng súng bắn T3 và K nên hành vi sử dụng súng trái phép của bị cáo mang tính chất côn đồ. Việc Đ bắn T3 và K ở cự ly gần thể hiện ý thức mong muốn tước đoạt tính mạng của người khác và hậu quả bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo; ngay tại Bản Kết luận giám định đã khẳng định “Khi sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn đạn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân

tỉnh Hà Nam truy tố Phạm Văn Đ về các tội “Giết người”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền được sống của những người bị hại được pháp luật bảo vệ và vi phạm đến việc quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước; bị cáo biết rõ việc sử dụng vũ khí để bắn người khác là rất nguy hiểm và có thể dẫn đến chết người nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội nên phải xử lý hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần do lỗi của bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là còn đồ nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”; về tình tiết gây thiệt hại không lớn không áp dụng đối với tội “Giết người”. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Luật sư .

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, đe dọa đến tính mạng của các bị hại; gây mất trật tự trị an địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với “Giết người” và mức khởi điểm của tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Lê Trọng K không yêu cầu Phạm Văn Đ phải bồi thường tiền thuốc và các chi phí khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với bị hại Nghiêm Trí T3 hiện đang

bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được tiền thuốc và các chi phí điều trị; tại phiên toà bị hại T3 không có mặt nên Hội đồng xét xử tách phần bồi thường trách nhiệm dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Nghiêm Trí T3 yêu cầu. Về số tiền 10.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị M (Mẹ bị cáo Đ) nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với 02 chiếc Camera và 03 Thẻ nhớ nhãn hiệu MIXIE là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Minh H2; sau khi tiến hành khai thác, sao lưu tài liệu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã trả lại cho anh Nguyễn Minh H2 là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 khẩu súng bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và 02 vỏ đạn, cùng 01 mảnh kim loại màu ghi, kích thước (1,5x1)cm cần tịch thu; đồng thời, giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh H tiêu huỷ theo quy định. Riêng 04 viên đạn, Giám định viên đã sử dụng để tiến hành thực nghiệm, trong quá trình giám định. Đối với các vật chứng khác gồm: 03 viên gạch vỡ; 02 gậy bóng chày và 04 mảnh kim loại không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với anh Nguyễn Văn M1 và anh Quảng Văn H3 là người đi cùng Phạm Văn Đ đến nhà anh Nguyễn Minh H2. Tuy nhiên cả anh M1 và anh H3 không biết việc Phạm Văn Đ mang theo súng, trước khi vụ án xảy ra Phạm Văn Đ không bàn bạc, thống nhất với anh M1 và anh H3. Việc Phạm Văn Đ bắn các bị hại là do Đ tự thực hiện, anh M1 và anh H3 không chỉ đạo, cổ vũ hoặc kích động Đ bắn T3, K. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định anh Nguyễn Văn M1, anh Quảng Văn H3 không đồng phạm với Phạm Văn Đ về tội “Giết người” là có căn cứ.

Về nguồn gốc khẩu súng theo Phạm Văn Đ khai liên hệ mua trên mạng Internet, không có thông tin, địa chỉ người bán nên không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự. Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 55; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Phạm Văn Đ phạm các tội “Giết người” và “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 (B) năm tù về tội “Giết người” và 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 08 (T5) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2023.

3. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng

- Tịch thu tiêu hủy: 03 viên gạch vỡ, loại gạch đỏ, có kích thước lần lượt (9,5x9x5,5)cm, (7,5x7,5x5)cm, (10x9,5x6,5)cm; 02 gậy kim loại, loại gậy bóng chày, chiếc được sơn màu đen có kích thước (0,75x0,05)m, chiếc được sơn màu trắng có kích thước (0,81x0,03)m; 04 mảnh kim loại màu xám bạc, mảnh to nhất có kích thước (9,3x7x9)mm, mảnh nhỏ nhất có kích thước (3x3x1)mm (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 04/7/2024).

- Tịch thu, giao 01 khẩu súng màu đen kiểu ổ quay bằng kim loại dài 19,5cm, trên súng có các ký hiệu: “ZP-5 SMITH&WESSON MADE IN CHINA”; 02 vỏ đạn hình trụ màu vàng dài 15,5cm, đáy vỏ có ký hiệu chữ "C" và 01 mảnh kim loại màu ghi không rõ kích thước (1,5x1)cm cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh H tiêu hủy theo quy định của Luật quản lý, sử dụng, vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Tình trạng vật chứng như Biên bản bàn giao vũ khí, khí tài, trang bị giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh H ngày 01/02/2024).

Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do bà Nguyễn Thị M (Mẹ bị cáo) nộp theo Biên lai thu tiền số 0001619 ngày 25/6/2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp Cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THAHS Toà án tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã EaNam, huyện EaH'leo;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP, Toà HS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy